

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TIÊN LŨ  
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2020/DS-ST

Ngày: 30/9/2020

"*V/v Tranh chấp thừa kế tài sản*"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LŨ, TỈNH HƯNG YÊN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đoàn Mạnh Quang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lương Đình Hiền

2. Bà Ngô Thị Tuyết

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên tòa:** Ông Đào Đức Độ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2020 về việc "Tranh chấp di sản thừa kế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa:

*Nguyên đơn:* Anh Đàm Hữu Th, sinh năm 1972; Nơi đăng ký HKTT: Thôn MX, xã MP, huyện TL, tỉnh Hưng Yên; Chỗ ở hiện nay: Tổ 1, Khu phố 5, phường TD, thành phố BH, Đồng Nai "*có mặt*"

*Bị đơn:* Bà Cao Thị Ng, sinh năm 1957 "*vắng mặt*"

Anh Đàm Ngọc Ch, sinh năm 2001 "*vắng mặt*"

Đều có địa chỉ: Thôn MX, xã MP, huyện TL, tỉnh Hưng Yên

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Đàm Thị B, sinh năm 1968 "*vắng mặt*"

Nơi đăng ký HKTT: Thôn MX, xã MP, huyện TL, tỉnh Hưng Yên; Chỗ ở hiện nay: Ấp LH, xã LY, huyện B, tỉnh Bình Dương

- Cháu Đàm Thị H, sinh năm 1989 "*vắng mặt*"

Địa chỉ: Thôn AT, xã C, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Đặng Thị Nh, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn TD, xã TL, huyện TL, tỉnh Hưng Yên "*có mặt*".

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn là anh Đàm Hữu Th và người đại diện theo ủy quyền chị Đặng Thị Nh trình bày: Bố mẹ anh là ông Đàm Hữu T bà Doãn Thị M sinh được 03 người con gồm: Đàm

Hữu Đ, Đàm Thị B, Đàm Hữu Th. Bà M mất ngày 21/9/2014 không để lại di chúc, anh Đ mất ngày 27/3/2004 có vợ là chị Trần Thị A sinh được một người con gái là Đàm Thị H. Năm 1996 do mâu thuẫn, Bà M đã bỏ vào miền Nam sống cùng vợ chồng anh và chị B. Năm 1998 ông T đã chung sống như vợ chồng với bà Cao Thị Ng sinh thêm được một người con trai là anh Đàm Ngọc Ch. Sau khi Bà M chết, ngày 20/01/2016 ông T đăng ký kết hôn với bà Ng tại UBND xã MP, ông T chết ngày 19/8/2017 không để lại di chúc. Tài sản của bố mẹ anh để lại gồm diện tích đất 971m<sup>2</sup> đất và ngôi nhà 04 gian lợp ngói đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/01/2004 mang tên hộ ông Đàm Hữu T. Nguồn gốc đất do ông cha để lại và ngôi nhà 04 gian do vợ chồng ông T Bà M làm từ trước năm 1996, bà Ng anh Ch không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản của bố mẹ anh. Sau khi Bà M chết, ngày 22/4/2015 ông T, anh Th, chị B đã lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản, theo đó các đồng thừa kế đã thống nhất thỏa thuận ông Đàm Hữu T được quyền sử dụng toàn bộ phần thừa kế của Bà M. Cùng ngày 22/4/2015, ông T lập hợp đồng tặng cho anh Đàm Hữu Th diện tích đất 396,8m<sup>2</sup>, còn lại 574,2m<sup>2</sup> đất là của ông T. Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và hợp đồng tặng cho tài sản được công chứng tại Văn phòng công chứng Ân Thi. Cũng tại thời điểm năm 2015 trước khi tách đất, ông T có nói miệng cho anh Th diện tích như trên làm thủ tục cấp bìa đỏ ngay, còn cho anh Ch 05m mặt về phía Bắc nhưng chưa cho ngay, số đất và nhà ở còn lại để làm nhà thờ chung nhưng không nói rõ giao cho ai. Năm 2018, anh Th chị B thống nhất với bà Ng anh Ch sẽ xây nhà riêng ra phần đất 05m mặt về phía Bắc mà ông T nói miệng cho anh Ch trước khi chết, anh Th đồng ý cho thêm 01 mét mặt chạy dài hết thửa đất (tổng số 06 mét mặt) nhưng bà Ng không đồng ý. Đến năm 2019 anh Th tháo dỡ nhà thì hai bên xảy ra tranh chấp, bà Ng đã làm đơn đề nghị UBND xã MP giải quyết. Khi UBND xã tiến hành hòa giải, anh Th chị B xác định sẽ tu sửa 03 gian nhà ngoài còn để lại 01 gian buồng cho bà Ng anh Ch ở nhưng phải cam kết về thời gian là sau khi làm nhà ra chỗ đất mới xong sẽ trả lại gian buồng, anh Th hỗ trợ thêm 20.000.000đ để mẹ con bà Ng làm nhà, chiều ngang đất vẫn thống nhất là 06m mặt chạy dài hết thửa đất. Sau đó, anh Th sẽ xây nhà mới trên phần đất còn lại làm nơi thờ cúng chung không sử dụng vào mục đích khác. Tuy nhiên, bà Ng không nghe nói mẹ con bà phải được hưởng toàn bộ diện tích đất 574,2m<sup>2</sup> của ông T và nhà cửa trên đất. Trước quan điểm của bà Ng, anh Th không chấp nhận xác định diện tích đất, nhà cửa trên đất là di sản thừa kế của ông Đàm Hữu T để lại, đề nghị Tòa án tiến hành phân chia thừa kế cho anh, chị B, cháu H, bà Ng, anh Ch theo quy định của pháp luật.

Tại đơn đề nghị, biên bản lấy lời khai bị đơn là bà Cao Thị Ng trình bày: Bà chung sống như vợ chồng với ông Đàm Hữu T từ năm 1997, đến ngày 20/01/2016 mới đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã MP. Trước khi về sống chung với ông T bà được biết ông T với vợ cả bà Doãn Thị M đã sống ly thân từ lâu, ông T ở với mẹ đẻ là cụ Hà Thị A. Vợ chồng ông T Bà M sinh được ba người con đều đã trưởng thành có gia đình riêng (anh Đàm Hữu Đ chết năm 2004, có một con gái tên Đàm Thị H), Bà M sống cùng anh Th tại miền Nam. Khi bà về chung sống với ông T, bà cùng

mẹ con ông T ở trên diện tích đất 2,8 sào của ông cha để lại cho ông T, trên đất có ngôi nhà cấp bốn 04 gian đã cũ và công trình phụ. Năm 2001 bà và ông T sinh được anh Đàm Ngọc Ch, năm 2002 cụ A mất mẹ con bà cùng ông T vẫn ở trên nhà đất. Năm 2012 do nhà dột nát xuống cấp, bà và ông T đã sửa hiên nhà, xây thêm nhà tắm, làm sân gạch, ngõ đi, khoan giếng. Trong suốt thời gian bà sống với ông T, Bà M có về nhà hai lần vào ngày cụ A mất và lần anh Đ ốm nặng qua đời. Giữa bà với Bà M và các con riêng ông T không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2014 Bà M chết, ông T đã tiến hành phân chia đất cho các con, theo đó vợ chồng anh Th được 1.1 sào, anh Ch được 01 sào, còn 07 miếng có nhà là của bà với ông T quản lý sử dụng. Việc phân chia đất ông T chỉ nói miệng không có văn bản giấy tờ. Sau khi được cho đất, vợ chồng anh Th đã làm thủ tục cấp bìa đỏ, phần đất còn lại ông T cũng làm thủ tục cấp bìa đỏ vào năm 2015. Năm 2017 ông T chết, mẹ con bà vẫn ở trên nhà đất không mâu thuẫn với ai. Đến năm 2018 anh Th về đòi 07 miếng đất của bà và ông T để xây nhà thờ nhưng bà không đồng ý vì anh Th đã có phần là 1.1 sào đất, trong khi bà lấy ông T hơn 20 năm phải có chỗ ở, ông T mất bà có trách nhiệm thờ cúng chồng và tổ tiên, còn phần đất anh Ch sau này ở bà không liên quan. Sự việc tranh chấp bà đã có đơn gửi UBND xã giải quyết nhiều lần nhưng không được. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật đảm bảo quyền lợi cho mẹ con bà. Bị đơn anh Đàm Ngọc Ch thống nhất với lời khai của mẹ, không trình bày bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đàm Thị B và người đại diện theo ủy quyền trình bày thống nhất với anh Th, bà Ng về mối quan hệ trong gia đình, về thời gian ông T Bà M anh Đ chết. Chị B đứng về phía về nguyên đơn đề nghị phân chia di sản thừa kế của ông T để lại theo đúng quy định của pháp luật, chị xin nhận tài sản bằng hiện vật, đồng ý gộp vào phần của anh Th để sau này làm nơi thờ cúng chung.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Đàm Thị H và người đại diện theo ủy quyền trình bày thống nhất với nguyên đơn, bị đơn về mối quan hệ huyết thống trong gia đình và thời gian ông T, Bà M qua đời không để lại di chúc. Cháu là con gái duy nhất của anh Đàm Hữu Đ đã chết ngày 27/3/2004 trước khi ông bà nội qua đời. Năm 2015 ông nội, chú Th, cô B tiến hành họp gia đình phân chia tài sản của bà nội nhưng không cho biết. Khi xảy ra tranh chấp đất đai tài sản với mẹ con bà Ng cháu mới được Tòa án cho xem văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập ngày 22/4/2015 nhưng hoàn toàn đồng ý, không phản đối. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phân chia di sản thừa kế của ông nội để lại cháu hoàn toàn nhất trí, yêu cầu được hưởng bằng hiện vật, đồng ý nhập vào phần của anh Th, chị B để sau này làm nơi thờ cúng chung. Cháu H đề nghị Tòa án giải quyết công bằng, có xem xét đến công sức của bà Ng đã chung sống, chăm sóc ông T từ năm 1998 đến năm 2017.

Xác minh tại UBND xã MP thể hiện: Nguồn gốc đất là của vợ chồng ông T Bà M được thừa hưởng của ông cha để lại. Theo sổ sách bản đồ 299 năm 1986 đất mang tên ông Đàm Hữu T tại tờ bản đồ số 08 gồm hai thửa số 94 diện tích 322m<sup>2</sup> đất ao và số 95 diện tích 1.011 đất thổ. Theo sổ sách bản đồ đo vẽ năm 2002, diện tích đất mang tên ông Đàm Hữu T tại tờ bản đồ số 11 thửa số 12 diện tích 1.011

đất thổ. Căn cứ kết quả đo đạc, ngày 14/01/2004 ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 971m<sup>2</sup> loại đất thổ tại tờ bản đồ số 11 thửa số 12. Năm 2012 triển khai dự án VLAP chỉnh sửa, số hóa đất đai trên toàn xã, mảnh đất của ông T thể hiện tại tờ bản đồ số 11 thửa số 12 diện tích 966m<sup>2</sup> loại đất thổ, ít hơn so với số liệu đo vẽ năm 2002 và bìa đồ cấp năm 2004. Lý do của việc thay đổi số liệu đất vì gia đình ông T lấn chiếm đất hành lang bờ sông T1 nên phải trả lại đất cho tập thể. Ông Đàm Hữu T có hai vợ, vợ cả là bà Doãn Thị M sinh được ba người con là anh Đàm Hữu Đ sinh năm 1965 đã chết năm 2004 có một người con gái duy nhất là Đàm Thị H, chị Đàm Thị B sinh năm 1968 và anh Đàm Hữu Th sinh năm 1972. Năm 1996 do mâu thuẫn vợ chồng Bà M vào miền Nam sống cùng anh Th. Khoảng năm 1998 ông T chung sống như vợ chồng với bà Cao Thị Ng sinh thêm được một người con trai tên Đàm Ngọc Ch. Ngày 21/9/2014 Bà M chết, đến ngày 20/01/2016 ông T đăng ký kết hôn với bà Ng tại UBND xã MP. Ngày 30/3/2015 ông T có đơn đề nghị UBND xã tách đất cho anh Th, sau đó làm hợp đồng tặng cho anh Th diện tích đất 396,8m<sup>2</sup> có công chứng hợp pháp. Ngày 22/6/2015 vợ chồng anh Th được cấp bìa đồ diện tích đất 396,8m<sup>2</sup>, ông T cũng được cấp bìa đồ cùng ngày diện tích đất 574,2m<sup>2</sup>. Đối với xuất ruộng canh tác ông T, Bà M, anh Đ, anh Th, chị B được chia ruộng theo tiêu chuẩn là 1,8 sào/khẩu. Bà Ng được chia ruộng canh tác tại xã TH, thành phố HY, anh Ch sinh năm 2001 không được chia ruộng. Đến ngày 19/8/2017 ông T chết, mẹ con bà Ng vẫn sinh sống trên nhà đất của ông T để lại. Năm 2019 xảy ra tranh chấp đất giữa bà Ng và anh Th UBND xã đã hòa giải nhiều lần không thành. Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các bên.

Toà án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và quyết định định giá tài sản là diện tích đất ở được cấp bìa đồ mang tên ông T và các tài sản trên đất thấy: Diện tích đất tranh chấp hiện tại là 574, 2m<sup>2</sup> đúng như số liệu đã được cấp bìa đồ năm 2015 trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở, 276,2m<sup>2</sup> đất BHK và 98m<sup>2</sup> đất LNQ. Về tài sản trên đất là ngôi nhà 04 gian hiên tây đồ bê tông cốt thép, không có cửa chính cửa sổ, phần mái ngói đã dột nát được xây khoảng năm 1980; tháng 10/2019 mẹ con bà Ng đã lợp tôn đè lên mái ngói để chống dột. Diện tích đất ở 200m<sup>2</sup> được định giá 1.500.000đ/m<sup>2</sup> bằng 300.000.000đ; diện tích đất còn lại 374,2m<sup>2</sup> được định giá 300.000đ/m<sup>2</sup> bằng 112.260.000đ. Các tài sản trên đất gồm: Toàn bộ ngôi nhà 04 gian diện tích 59,5m<sup>2</sup> (cả phủ bì) trị giá hiện tại 31.560.000đ, trong đó phần hiên Tây do ông T và bà Ng sửa chữa trị giá 3.325.000đ, phần tôn lợp đè lên mái ngói do mẹ con bà Ng làm trị giá 6.960.000đ; 01 nhà tắm diện tích 4,84m<sup>2</sup> do ông T và bà Ng xây trị giá còn lại 10.282.000đ; 01 sân đồ bê tông do ông T và bà Ng làm diện tích 55,5m<sup>2</sup> trị giá còn lại 4.400.000đ; 01 cổng sắt hai cánh do một mình bà Ng làm trị giá hiện còn 1.030.000đ.

Đối với 02 lán sau nhà để chăn nuôi lợn, gà, bò đã xuống cấp dột nát không còn giá trị sử dụng các đương sự không yêu cầu định giá; 09 cây nhãn to nhỏ, 06 cây cau cao, 04 cây cau lùn, 02 cây trứng gà, 01 cây xoài, 01 cây mít nhỏ, 02 cây

na các đương sự không yêu cầu định giá, sau này phân chia đất cây vào phần của ai người đó được hưởng.

Tòa án huyện Tiên Lữ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn mẹ con bà Ng anh Ch cố tình vắng mặt. Các đương sự không tự thỏa thuận giải quyết được vụ án, đề nghị Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo đúng qui định của pháp luật. Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, không cung cấp thêm được các tài liệu chứng cứ mới. Bị đơn cố tình vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã được tổng đạt các văn bản hợp lệ nên HĐXX đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị B, cháu H vắng mặt nhưng người đại diện theo ủy quyền có mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi HĐXX nghị án: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Tiên Lữ, các hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục đảm bảo khách quan. HĐXX không thuộc trường hợp phải thay đổi, việc tranh tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng qui định. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật phục vụ giải quyết vụ án. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng khi tham gia vụ kiện. Ý kiến về giải quyết vụ án: Có căn cứ xác định diện tích đất 574,2m<sup>2</sup> là tài sản riêng của ông T có trước hôn nhân với bà Ng. Ông T chết không để lại di chúc nên phần tài sản sẽ được chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất gồm: anh Th, chị B, cháu H (là người thừa kế thế vị), bà Ng, anh Ch. Tuy nhiên, phải xét việc bà Ng ở cùng ông T từ năm 1998 đến nay, có công sức tôn tạo, xây dựng, sửa chữa công trình trên đất và chăm sóc ông T khi già yếu ốm đau và hiện tại vẫn đang ở trên ngôi nhà do ông T để lại, thờ cúng chồng và tổ tiên không có nơi ở khác. Do vậy, cần chia cho bà Ng anh Ch phần đất có 01 gian nhà ở phía Bắc với tổng diện tích 287m<sup>2</sup>, còn ba gian nhà trên phần đất diện tích 287,2m<sup>2</sup> chia cho anh Th, chị B, cháu H. Các tài sản trên đất gồm nhà, nhà tắm, sân đổ bê tông, cổng sắt được xác định là tài sản riêng của ông T và một phần là tài sản chung của ông T bà Ng. Do bà Ng được phân chia đất nhiều hơn các đồng thừa kế khác nên anh Th, chị B, cháu H không phải trả chênh lệch cho bà Ng. Đối với 02 lán sau nhà để chăn nuôi lợn, gà, bò đã xuống cấp nát không còn giá trị sử dụng các đương sự không yêu cầu định giá; chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc xác định các cây trên đất phân chia vào phần của ai người đó được hưởng. Các đương sự phải chịu án phí và chi phí tố tụng khác theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Đàm Hữu Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản của bố đẻ ông Đàm Hữu T để lại cho các đồng thừa kế được xác định là tranh chấp về thừa kế tài sản qui định tại Khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và tài sản tranh chấp ở Thôn MX, xã MP, huyện TL nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ theo qui định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Vợ chồng ông Đàm Hữu T bà Doãn Thị M sinh được ba người con là anh Đ, chị B, anh Th. Năm 1996 vợ chồng mâu thuẫn Bà M đã bỏ vào niếm Nam sống cùng với hai người con là anh Th chị B, để ông T sống một mình cùng với mẹ đẻ cụ Hà Thị A. Khoảng năm 1998 ông T chung sống như vợ chồng với bà Cao Thị Ng cùng với cụ A trên mảnh đất do ông cha để lại và ngôi nhà cấp bốn 04 gian ông T Bà M xây từ trước, đến năm 2001 ông T bà Ng sinh được một người con trai là anh Đàm Ngọc Ch. Năm 2002 cụ A mất, Bà M có về quê cùng với ông T bà Ng lo mai tang cho cụ A rồi lại vào Nam sống cùng các con. Năm 2004 anh Đàm Hữu Đ ốm nặng qua đời Bà M có về quê lần thứ hai sau đó lại vào Nam rồi qua đời ngày 21/9/2014 tại phường TD, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai. Đến ngày 20/01/2016 ông T bà Ng ra UBND xã MP đăng ký kết hôn chính thức được pháp luật công nhận là vợ chồng, tuy nhiên hai người đã chung sống như vợ chồng từ khoảng năm 1998 trong khi hôn nhân giữa Bà M và ông T đang tồn tại. Bà Ng ông T đã vi phạm chế độ một vợ một chồng theo quy định của luật hôn nhân và gia đình nhưng không đương sự nào yêu cầu giải quyết, chấp nhận sự việc nên HĐXX không xem xét đề cập.

[2.2]. Sau khi Bà M qua đời, ngày 22/4/2015 ông T, chị B, anh Th họp gia đình thống nhất để ông T được thừa hưởng toàn bộ phần di sản của Bà M trong khối tài sản chung của vợ chồng. Cùng ngày, ông T đã lập hợp đồng tặng cho anh Đàm Hữu Th diện tích đất 396,8m<sup>2</sup>, còn lại 574,2m<sup>2</sup> đất là của ông T. Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và hợp đồng tặng cho tài sản được công chứng tại Văn phòng công chứng Ân Thi. Tuy nhiên, văn bản thỏa thuận phân chia di sản của Bà M không có ý kiến của cháu Đàm Thị H người thừa kế thế vị của anh Đàm Hữu Đ là thiếu sót, nhưng sau khi biết sự việc cháu H không phản đối, đồng ý với sự thỏa thuận của ông nội và cô chú ruột nên việc phân chia phần di sản thừa kế của Bà M và việc ông T tặng cho anh Th phần đất diện tích 396,8m<sup>2</sup> không bị vô hiệu có hiệu lực pháp luật.

[2.3]. Xét về hàng và di sản thừa kế: Khi Bà M mất, hàng thừa kế thứ nhất gồm 04 người là ông T, chị B, anh Th và cháu H. Nhưng do các đồng thừa kế đã thống nhất thỏa thuận để ông T được thừa hưởng toàn bộ phần di sản thừa kế của Bà M trong khối tài sản chung với ông T nên toàn bộ diện tích đất 971m<sup>2</sup> và tài sản trên đất thuộc quyền quản lý, sở hữu, sử dụng của một mình ông T. Việc ông T tặng cho anh Th diện tích đất 396,8m<sup>2</sup> cùng toàn bộ cây cối hoa màu trên đất là

hợp pháp nên diện tích đất còn lại 574,2m<sup>2</sup> cùng ngôi nhà, cây cối trên đất là tài sản riêng của một mình ông T. Khi ông T mất không để lại di chúc, hàng thừa kế thứ nhất gồm 05 người là bà Ng, anh Ch, chị B, anh Th và cháu H sẽ được thừa hưởng tài sản của ông T để lại theo pháp luật.

[2.4]. Xét lời trình bày của bà Ng xác định sau khi Bà M chết, ông T đã tiến hành phân chia đất cho anh Th 1.1 sào, anh Ch 01 sào, còn 07 miếng có nhà là của bà với ông T quản lý sử dụng; mẹ con bà vẫn ở trên nhà đất thờ cúng chồng và tổ tiên; việc anh Th đòi xây nhà thờ trên 07 miếng đất của bà và ông T là không đúng HĐXX thấy rằng: Bà Ng thừa nhận ông T chia đất cho anh Th, anh Ch chỉ nói miếng không có văn bản giấy tờ. Ông T đã lập văn bản tặng cho anh Th diện tích đất 396,8m<sup>2</sup>, còn lại 574,2m<sup>2</sup> đất đã được cấp bìa đỏ mang tên một mình ông T. Việc cho anh Ch 01 sào đất chỉ mới tuyên bố miếng, chưa làm thủ tục tặng cho theo quy định nên chưa hợp pháp. Bà Ng nói ông T để lại di chúc nhưng không đưa ra được chứng cứ tài liệu nào để chứng minh. Mặt khác, bà Ng cho rằng bà lấy ông T hơn 20 năm nên khi chồng chết phải được quản lý sử dụng phần đất 07 miếng có ngôi nhà để thờ cúng chồng và tổ tiên là không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của chị B, cháu H.

[3]. Từ những phân tích nêu trên, HĐXX thấy rằng có căn cứ xác định diện tích đất 574,2m<sup>2</sup> là tài sản riêng của ông T có trước hôn nhân với bà Ng. Ông T chết không để lại di chúc nên phần tài sản sẽ được chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất gồm: anh Th, chị B, cháu H (là người thừa kế thế vị), bà Ng, anh Ch. Tuy nhiên, phải xét việc bà Ng ở cùng ông T từ năm 1998 đến nay, có công sức tôn tạo, xây dựng, sửa chữa công trình trên đất và chăm sóc ông T khi già yếu ốm đau, hiện tại vẫn đang ở trên ngôi nhà do ông T để lại, thờ cúng chồng và tổ tiên không có nơi ở nào khác nên cần áng trính diện tích đất tương đương với 74,2 m<sup>2</sup> để trả công sức cho bà Ng, diện tích còn lại 500 m<sup>2</sup> mới chia đều cho các đồng thừa kế mỗi người được 100m<sup>2</sup>. Sau khi xem xét toàn diện, khách quan HĐXX quyết định phân chia cho mẹ con bà Ng anh Ch phần đất có 01 gian buồng, cổng sắt hai cánh về phía Bắc với tổng diện tích 288,4m<sup>2</sup> (bà Ng được hưởng 100m<sup>2</sup> + 74,2m<sup>2</sup> đất áng trính công sức + 14.2 m<sup>2</sup> bằng 188,4m<sup>2</sup>; anh Ch được hưởng 100m<sup>2</sup>) trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ở  $\times 1.500.000\text{đ}/\text{m}^2 = 150.000.000\text{đ}$ , 188,4m<sup>2</sup> đất còn lại  $\times 300.000\text{đ}/\text{m}^2 = 56.520.000\text{đ}$ , hơn 01 gian buồng trị giá 5.734.375đ, cổng sắt trị giá 1.030.000đ. Do chị B cháu H yêu cầu nhận di sản thừa kế bằng hiện vật và đồng ý nhập chung với phần di sản thừa kế được hưởng của anh Th để làm nhà thờ chung nên HĐXX phân chia hơn 2,5 gian nhà trên phần đất còn lại với diện tích 285,8m<sup>2</sup> chung cho anh Th chị B cháu H, trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ở  $\times 1.500.000\text{đ}/\text{m}^2 = 150.000.000\text{đ}$ , 185,8 m<sup>2</sup> đất còn lại  $\times 300.000\text{đ}/\text{m}^2 = 55.740.000\text{đ}$ , hơn 2,5 gian nhà trị giá 15.956.250đ. Các tài sản trên đất còn lại gồm phần lợp tôn dè lên mái nhà chống dột trị giá 6.960.000đ là tài sản riêng của bà Ng; phần hiên Tây nhà trị giá 3.325.000đ, nhà tắm trị giá 10.282.000đ, sân bê tông trị giá 4.400.000đ cộng bằng 18.007.000đ được xác định là tài sản chung của ông T bà Ng (chia đôi mỗi người là 9.003.500đ). Do bà Ng, anh Ch được chia phần đất nhiều hơn 03 đồng thừa kế còn lại 14,2m<sup>2</sup> và được hưởng hơn một gian buồng,

tính giá trị tương đương phần tài sản riêng của bà Ng (mái tôn) và tài sản tạo lập cùng ông T, nên anh Th chị B cháu H không phải trả giá trị số tài sản do bà Ng tạo lập ra. Đối với phần nhà được chia trên đất, khi bà Ng anh Ch hoặc anh Th chị B cháu H không có nhu cầu sử dụng phá bỏ thì phải đảm bảo an toàn sử dụng cho phía bên kia. Đối với 02 lán sau nhà để chăn nuôi lợn, gà, bò đã xuống cấp dột nát không còn giá trị sử dụng các đương sự không yêu cầu định giá nên HĐXX không xem xét; 09 cây nhãn to nhỏ, 06 cây cau cao, 04 cây cau lùn, 02 cây trứng gà, 01 cây xoài, 01 cây mít nhỏ, 02 cây na các đương sự không yêu cầu định giá, thỏa thuận sau này phân chia cây vào phần đất của ai người đó được hưởng được HĐXX chấp nhận.

[4]. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và quan điểm của người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận. Yêu cầu của bị đơn không có căn cứ nên không được HĐXX chấp nhận.

[5]. Quan điểm của đại diện VKSND huyện Tiên Lữ về xác định quan hệ pháp luật, hướng giải quyết vụ án là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[6]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các đương sự phải chịu án phí đối với phần tài sản được hưởng.

[7]. Về chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn anh Đàm Hữu Th đã nộp số tiền 10.000.000đ chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, số tiền chi phí thực tế là 9.002.224, đã hoàn trả Thuật số tiền thừa 997.776đ. Anh Th yêu cầu bà Ng anh Ch phải hoàn trả tiền chi phí tố tụng, không yêu cầu chị B, cháu H phải hoàn trả nên bà Ng, anh Ch phải chịu chi phí tương ứng với phần di sản được hưởng. Bà Ng, anh Ch mỗi người phải thanh toán trả anh Th số tiền 1.800.400đ.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 652, 660 của Bộ luật Dân sự; Khoản 5 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Đàm Hữu Th yêu cầu chia di sản thừa kế của bố đẻ ông Đàm Hữu T để lại.

Xác định diện tích đất 574,2m<sup>2</sup> và ngôi nhà cấp bốn 04 gian diện tích 59,5m<sup>2</sup> (cả phủ bì) là di sản thừa kế của ông Đàm Hữu T để lại.

Xác định phần hiên Tây ngôi nhà, sân bê tông, nhà tắm xây trên đất là tài sản chung của ông T bà Ng.

Xác định phần mái tôn lợp đè lên mái nhà, cổng sắt hai cánh là tài sản riêng của bà Ng.



Phân chia cho anh Th, chị B, cháu H diện tích đất 285,8m<sup>2</sup> (trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ở; 185,8 m<sup>2</sup> đất BHK và đất LNQ) trong tổng số 574,2m<sup>2</sup> tại tờ bản đồ số 11 thửa số 72 ở thôn Mai Xá, xã MP huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên với tứ cận như sau: Phía Nam giáp đất anh Đàm Hữu Th; phía Bắc giáp đất phân chia cho mẹ con bà Ng; phía Tây giáp đất hàng lang sông T1; phía Đông giáp đường làng. Trên đất được phân chia có hơn 2,5 gian nhà cấp bốn, sân bê tông, nhà tắm, phần tôn lợp đề lên mái nhà, phần hiên Tây ngôi nhà. Tổng giá trị nhà đất, tài sản trên đất là 246.663.250đ (anh Th, chị B, cháu H mỗi người được hưởng tài sản trị giá thành tiền là 82.221.083đ). Công nhận sự thoả thuận của anh Th, chị B, cháu H toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất để làm nơi thờ cúng chung.

Phân chia cho bà Cao Thị Ng và anh Đàm Ngọc Ch diện tích đất 288,4m<sup>2</sup> (trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ở, 188.4m<sup>2</sup> đất BHK và đất LNQ) trong tổng số 574,2m<sup>2</sup> tại tờ bản đồ số 11 thửa số 72 ở thôn Mai Xá, xã MP huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên với tứ cận như sau: Phía Nam giáp đất chia cho anh Th chị B cháu H; phía Bắc giáp đất gia đình ông Đình Quang V; phía Tây giáp đất hàng lang sông T1; phía Đông giáp đường làng. Trên đất được phân chia có hơn 01 gian nhà cấp bốn, cổng sắt hai cánh. Tổng giá trị nhà đất, tài sản trên đất là 212.868.750đ (trong đó bà Ng hưởng tài sản giá trị thành tiền là 120.209.375đ; anh Ch hưởng tài sản giá trị thành tiền là 92.659.375đ) .

Đối với phần nhà được chia, khi bên nào không có nhu cầu sử dụng phá bỏ thì phải đảm bảo an toàn sử dụng cho phía bên kia. Đối với 09 cây nhãn to nhỏ, 06 cây cau cao, 04 cây cau lùn, 02 cây trứng gà, 01 cây xoài, 01 cây mít nhỏ, 02 cây na các đương sự không yêu cầu định giá, phân chia cây vào phần đất của ai người đó được hưởng (*Có sơ đồ cụ thể kèm theo*).

**Về án phí:** Nguyên đơn anh Đàm Hữu Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.111.000đ. Anh Th đã nộp tạm ứng án phí số tiền 4.000.000đ theo biên lai số 004439 ngày 04/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ, đối trừ anh Th còn phải nộp án phí sơ thẩm là 111.000đ.

Bà Cao Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.010.400đ.

Anh Đàm Ngọc Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.632.900đ.

Chị Đàm Thị B, cháu Đàm Thị H mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.111.000đ.

Về chi phí tố tụng khác: Bà Ng, anh Ch mỗi người phải thanh toán trả anh Đàm Hữu Th số tiền 1.800.400đ chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi người vắng mặt cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện Tiên Lữ;
- VKSND tỉnh Hưng Yên
- Chi cục THADS huyện Tiên Lữ;
- UBND xã MP
- Phòng KTNV Toà án tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**(Đã ký)**

**Đoàn Mạnh Quang**